

Bản án số: 01/2020/DS - ST
Ngày: 16-01-2020
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Văn Tuyền.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Minh; bà Vũ Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 16/01/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 31/2019/TLST - DS ngày 08/8/2019 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXXST - DS ngày 06/12/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐST-DS ngày 31/12/2019, giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số 02, đường L, quận B, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT - Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Xuân A - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện N - Địa chỉ: Thị trấn N, huyện S, tỉnh T (Giấy ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/06/2014 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng N) - Vắng mặt.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn Th - Chức vụ: Giám đốc Agribank Chi nhánh huyện N - Phòng Giao dịch H (Giấy ủy quyền số 483/NHNo-NS ngày 08/8/2019) - Có mặt.

- Bị đơn: Anh Mai Thanh T - Sinh năm: 1974 - Địa chỉ: Thôn Cần Thanh, xã H, huyện N, tỉnh T - Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Mai Thị Th - Sinh năm: 1985 - Địa chỉ: Thôn Cần Thanh, xã H, huyện N, tỉnh T - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/7/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Anh Mai Thanh T – là người đại diện theo ủy quyền của Chị Mai Thị Th – cùng có địa chỉ Thôn Cần Thanh (xóm Cần Thanh) xã H, huyện N, tỉnh T là khách hàng vay vốn tại Ngân hàng N Chi nhánh huyện S, tỉnh T - Phòng giao dịch H, nay là Ngân hàng N Chi nhánh huyện S - Phòng giao dịch H (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) với mục đích vay vốn để đầu tư chăn nuôi lợn và sản xuất nông nghiệp.

Trên cơ sở hồ sơ vay vốn của anh Mai Thanh T, Ngân hàng đã thẩm định, đánh giá mục đích vay vốn, phương án vay vốn, tài sản thế chấp và đồng ý phê duyệt cho anh Mai Thanh T được vay số tiền là 170.000.000 đồng. Để thực hiện việc vay vốn, anh Mai Thanh T, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã ký với Ngân hàng những Hợp đồng thế chấp và Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

Ngày 27/03/2017, Ngân hàng và anh Mai Thanh T đã ký Hợp đồng tín dụng số 03/0179/2017/TD, theo đó Ngân hàng cho anh Mai Thanh T vay vốn với nội dung như sau: Phương thức cho vay: Từng lần; số tiền là 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng); mục đích vay vốn: Đầu tư chăn nuôi lợn và sản xuất nông nghiệp; thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng; ngày trả nợ cuối cùng: 20/03/2018; lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 9%/năm, thực hiện cơ chế lãi suất thả nổi (có điều chỉnh), lãi suất quá hạn ấn định bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm quá hạn, phương thức trả tiền lãi theo định kỳ 03 (ba) tháng/lần vào ngày 20; ngày chuyển nợ quá hạn: 21/03/2018 (vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng).

Ngoài ra, hợp đồng có quy định rõ quyền và nghĩa vụ các bên, trong đó có quy định bên vay vốn là anh Mai Thanh T có nghĩa vụ sử dụng vốn đúng mục đích và trả nợ gốc và lãi tiền vay, phí đúng hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, đồng thời Ngân hàng có quyền chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn nếu anh Mai Thanh T vi phạm hợp đồng tín dụng.

Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 03/0179/2017/TD ngày 27/03/2017, anh Mai Thanh T đã dùng các tài sản thuộc sở hữu của gia đình để bảo đảm cho khoản vay, cụ thể: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 03/0046/2016 ký ngày 07/03/2016; tổng giá trị tài sản thế chấp: 231.000.000 đồng, phạm vi bảo đảm dư nợ là 173.250.000 đồng. Việc thế chấp tài sản của anh Mai Thanh T và các bên liên quan là tự nguyện, Hợp đồng thế chấp được chứng thực, đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật.

Tính thời điểm ngày 31/05/2019, tổng số tiền mà anh Mai Thanh T phải trả cho Ngân hàng là: 201.641.250 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 170.000.000 đồng; nợ lãi tạm tính (đến 31/05/2019) là: 31.641.250 đồng (gồm: Lãi trong hạn là: 3.782.500 đồng; lãi quá hạn là: 27.858.750 đồng).

Sau khi ký Hợp đồng tín dụng, bên cho vay đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình với bên vay (anh Mai Thanh T), giải ngân theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 03/0179/2017/TD. Tuy nhiên, anh Mai Thanh T và các thành viên có

nghĩa vụ liên quan đã không thực hiện đúng các cam kết của mình, vi phạm việc sử dụng nguồn vốn vay, vi phạm nghĩa vụ trả gốc, lãi đến hạn. Bên cho vay đã nhiều lần có văn bản và biên bản làm việc yêu cầu anh Mai Thanh T và các thành viên nghĩa vụ liên quan khắc phục các vi phạm nêu trên, nhưng đến nay anh Mai Thanh T và các bên có liên quan vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận cho Ngân hàng.

Vì vậy, Ngân hàng N khởi kiện đề nghị Tòa án buộc anh Mai Thanh T và các thành viên có nghĩa vụ liên quan phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 31/05/2019 là: 201.641.250 đồng (trong đó nợ gốc là: 170.000.000 đồng, nợ lãi là: 31.641.250 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 31/05/2019 cho đến khi kết thúc thi hành án. Trường hợp anh Mai Thanh T và các thành viên có nghĩa vụ liên quan không trả được nợ cho Ngân hàng thì đề nghị Tòa án tuyên kê biên tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay của anh Mai Thanh T tại Ngân hàng để đảm bảo thi hành án, thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đến tổng đạt văn bản tố tụng cho anh Mai Thanh T nhưng có lần anh T từ chối không nhận văn bản hoặc không có mặt ở nhà nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, anh T vẫn không đến Tòa án để thể hiện quan điểm của mình về yêu cầu của Ngân hàng.

Đối với Chị Mai Thị Th, vắng mặt tại nơi cư trú, Tòa án đã ra quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú và đăng tin trên báo nhân dân, đài tiếng nói Việt Nam 03 lần liên tiếp trong các ngày 05, 06, 07/10/2019, nhưng hết thời hạn 01 tháng kể từ ngày đăng phát, phát thông báo lần đầu tiên vẫn không có tin tức gì của chị Th và cũng không biết chị Th ở đâu.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N vẫn giữ nguyên quan điểm của mình là buộc anh Mai Thanh T trả số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử (ngày 16/01/2020) là 216.303.750đ. Trong đó: Nợ gốc là 170.000.000đ; nợ lãi là 46.303.750đ (gồm: Lãi trong hạn: 3.782.500đ; lãi quá hạn: 42.521.250đ).

Trường hợp anh T và các thành viên có nghĩa vụ liên quan không trả được nợ cho Ngân hàng thì đề nghị Tòa án tuyên kê biên tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay của anh T để đảm bảo thi hành án, thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Theo đơn đề nghị xem xét, thẩm định tại chỗ của nguyên đơn đối với các tài sản mà anh Mai Thanh T đã thế chấp tại Ngân hàng, ngày 21/11/2019, Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định thì toàn bộ tài sản mà anh T đã thế chấp tại Ngân hàng không có biến động gì so với thời điểm thế chấp tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, đề nghị Tòa án tuyên buộc anh Mai Thanh T phải trả cho Ngân hàng số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày 16/01/2020 là 216.303.750đ. Trong đó: Nợ gốc là 170.000.000đ; nợ lãi là 46.303.750đ (gồm: Lãi trong hạn: 3.782.500đ; lãi quá hạn: 42.521.250đ). Về án phí: Anh Mai Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng N có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa Ngân hàng và anh Mai Thanh T. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Nga Sơn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã đến tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho anh Mai Thanh T và Chị Mai Thị Th biết việc Ngân hàng N yêu cầu anh Mai Thanh T trả số tiền vay còn nợ. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh T và chị Th vắng mặt nên không thống nhất được hướng giải quyết vụ án. Ngày 31/12/2019, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, anh T và chị Th vắng mặt không có lý do nên phải hoãn phiên tòa, theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử lần hai - vắng mặt anh T và chị Th.

[2] Về nội dung tranh chấp: Ngân hàng N – Chi nhánh huyện N ký kết với anh Mai Thanh T hợp đồng tín dụng số 03/0179/2017/TD ngày 27/03/2017. Hợp đồng cấp tín dụng đúng với chức năng hoạt động của Ngân hàng, các bên ký hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, không khiêu nại nội dung của hợp đồng. Vì vậy, hợp đồng tín dụng nói trên có giá trị pháp lý buộc các bên phải thi hành, hết thời hạn bên vay không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ là vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[3] Về lãi suất: Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 9%/năm; thực hiện cơ chế lãi suất thả nổi (có điều chỉnh); lãi suất quá hạn ấn định bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm quá hạn; mức lãi suất đối với từng lần nhận nợ được thỏa thuận cụ thể tại giấy nhận nợ; phương thức trả tiền lãi theo định kỳ 03 (ba) tháng/lần vào ngày 20 của tháng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định thì thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn giữa các bên là phù hợp, ngân hàng yêu cầu bên vay trả các khoản lãi từ ngày bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ được chấp nhận.

[4] Trên cơ sở hợp đồng tín dụng: Tính đến ngày 16/01/2020, anh Mai Thanh T còn nợ Ngân hàng N số tiền cả gốc và lãi là 216.303.750đ. Trong đó: Nợ gốc là

170.000.000đ; nợ lãi là 46.303.750đ (gồm: Lãi trong hạn: 3.782.500đ; lãi quá hạn: 42.521.250đ).

Do bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bên cho vay khởi kiện yêu cầu bên vay phải trả nợ là có căn cứ, phù hợp Điều 466 BLDS và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận, kể từ ngày 16/01/2020 bên vay còn phải chịu lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết.

[5] Tài sản thế chấp: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 03/0046/2016 ký ngày 07/3/2016. Việc thế chấp tài sản của anh Mai Thanh T và các bên liên quan là tự nguyện, nội dung hợp đồng các bên không có tranh chấp, hợp đồng thế chấp được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật. Do bên thế chấp tài sản vi phạm nghĩa vụ trả nợ, theo quy định tại Điều 299 BLDS bên nhận thế chấp có quyền xử lý các tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

[6] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Hội đồng xét xử xét thấy tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ số 08/2016/AL. Vì vậy, cần áp dụng án lệ số 08/2016/AL để xác định nghĩa vụ chậm thi hành án.

[7] Về án phí: Do anh Mai Thanh T phải trả toàn bộ số tiền mà Ngân hàng yêu cầu nên phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (DSST) có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Ngân hàng N không phải chịu án phí DSST nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 117; Điều 127; Điều 292; Điều 299; Điều 463; Điều 466; Điều 468 BLDS; khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 BLTTDS; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng N: Buộc anh Mai Thanh T trả cho Ngân hàng N theo hợp đồng tín dụng: Số 03/0179/2017/TD ngày 27/03/2017 tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 16/01/2020 là 216.303.750đ (hai trăm mười sáu triệu ba trăm linh ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng). Trong đó: Nợ gốc là 170.000.000đ; nợ lãi là 46.303.750đ (gồm: Lãi trong hạn: 3.782.500đ; lãi quá hạn: 42.521.250đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày ra bản án, anh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất của anh T phải tiếp tục thanh

toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp anh Mai Thanh T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên xử lý toàn bộ tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án là Quyền sử dụng đất có giấy chứng nhận số CD 524700 tại thửa đất số 245, tờ bản đồ số 1A, diện tích 100m²; tài sản gắn liền trên đất là nhà cấp 4 diện tích 46m², tại địa chỉ: Xóm Cần Thanh, xã H, huyện N, tỉnh T (theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 03/0046/2016 ký ngày 07/3/2016).

Trường hợp phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán nợ, thì anh Mai Thanh T có trách nhiệm tiếp tục thực hiện việc trả các khoản tiền nợ gốc và lãi phát sinh cho đến khi hoàn tất xong các khoản nợ cho Ngân hàng N.

3. Về án phí: Anh Mai Thanh T phải chịu 10.815.000đ (mười triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng N tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.041.000đ (năm triệu không trăm bốn mươi một nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0005912 ngày 08/8/2019.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THDS.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- Đường sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Văn Tuyên